

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THU TRANG

**TÉI SỞ DÔNG M'NG M, Y TÝNH, M'NG VIÔN THẮNG,
M'NG INTERNET HOÆC THIỐT BÞ SÈ THỪC HIỂN HỖNH
VI CHIỐM ỢO' T TỰI SỰ TRONG LUỆT HỖNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI -

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THU TRANG

**TÉI SỞ DÔNG M'NG M, Y TÝNH, M'NG VIÔN THNG,
M'NG INTERNET HOÆC THIỐT BÞ SÈ THỪC HIỂN HµNH
VI CHIÕM SƠ T TµI S¶N TRONG LUỆT H×NH SỰ VIÖT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. PHẠM MẠNH HÙNG

HÀ NỘI -

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Vũ Thu Trang

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các bảng	

MỞ ĐẦU	5
---------------	----------

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	10
--	-----------

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam	10
1.1.1. Khái niệm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	10
1.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	12
1.1.3. Hình phạt của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
1.2. Lịch sử lập pháp hình sự về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật Hình sự Việt Nam từ năm 1985 đến nay	Error! Bookmark not defined.

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999 **Error! Bookmark not defined.**

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2009 **Error! Bookmark not defined.**

- 1.2.3. Giai đoạn từ năm 2009 đến nay **Error! Bookmark not defined.**
- 1.3. Khái quát pháp luật hình sự một số nước quy định về tội phạm liên quan đến việc sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản** **Error! Bookmark not defined.**
-
- 1.3.1. Pháp luật hình sự Trung Quốc **Error! Bookmark not defined.**
- 1.3.2. Pháp luật hình sự Canada **Error! Bookmark not defined.**
-
- 1.3.3. Pháp luật hình sự một số nước ở Châu Âu **Error! Bookmark not defined.**
- 1.4. So sánh tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với các tội khác** **Error! Bookmark not defined.**
-
- 1.4.1. So sánh tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản **Error! Bookmark not defined.**
-
- 1.4.2. So sánh tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tội trộm cắp tài sản **Error! Bookmark not defined.**
- 1.4.3. So sánh tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản **Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN CHƢƠNG **Error! Bookmark not defined.**

1.....

Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TỘI SỬ DỤNG

MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY **Error! Bookmark not defined.**

- 2.1. Tình hình tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản** **Error! Bookmark not defined.**
-

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2016 Error! Bookmark not defined.

.....
2.2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật, nguyên nhân, tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng pháp luật và bảo đảm áp dụng pháp luật về tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản Error! Bookmark not defined.

2.2.2. Một số vụ án trong thực tiễn Error! Bookmark not defined.

KẾT LUẬN CHUNG Error! Bookmark not defined.

2.....

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ BẢO ĐẢM

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, MẠNG INTERNET HOẶC THIẾT BỊ SỐ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN Error! Bookmark not defined.

3.1. Nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế trong việc áp dụng pháp luật và bảo đảm áp dụng pháp luật về tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản Error! Bookmark not defined.

.....
3.1.1. Nguyên nhân về mặt pháp luật Error! Bookmark not defined.

.....
3.1.2. Nguyên nhân về điều kiện bảo đảm áp dụng pháp luật Error! Bookmark not defined.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng pháp luật về tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản Error! Bookmark not defined.

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật Error! Bookmark not defined.

3.2.2. Nâng cao các điều kiện bảo đảm áp dụng pháp luật Error! Bookmark not defined.

KẾT LUẬN Error! Bookmark not defined.

.....
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau hơn bốn mươi năm đổi mới, xây dựng và phát triển, Việt Nam đã có nhiều thay đổi tiến bộ, đặc biệt là sự chuyển đổi từ nền kinh tế quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là sự phát triển của khoa học công nghệ, của Internet, viễn thông, các phương tiện điện tử, một phần không thể thiếu trong đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội, góp phần thay đổi căn bản hầu hết các ngành, lĩnh vực. Với những tác động to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, công nghệ thông tin đã phát huy hiệu quả tích cực, là nguồn lực quan trọng phục vụ công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước, thanh toán ngân hàng, thương mại điện tử, thanh toán điện tử, các ứng dụng trong cải cách hành chính, đào tạo, giáo dục, du lịch,...

Tuy nhiên, đi kèm với sự phát triển và những lợi ích thiết thực mà công nghệ thông tin mang lại cho công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước thì tình hình tội phạm sử dụng công nghệ thông tin cũng ngày càng phức tạp; mức độ, tính chất mạnh động, nguy hiểm ngày càng cao hơn với nhiều loại tội phạm mới xuất hiện, thủ đoạn thực hiện tội phạm ngày càng tinh vi và xảo quyệt.

Mạng máy tính, mạng viễn thông và mạng Internet đã trở thành môi trường hoạt động của các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao. Đây là một loại tội phạm mới xuất hiện và đang có xu hướng phát triển ngày càng mạnh mẽ với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay. Lợi dụng sự phát triển rộng rãi của công nghệ thông tin, xu hướng tội phạm sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành

vi phạm tội giữa các quốc gia ngày càng tăng, để lại nhiều hậu quả xấu đối với xã hội. Thời gian qua các tội phạm sử dụng công nghệ cao đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản nhà nước, tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự chung của xã hội. Trong đó, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là một trong những tội sử dụng thiết bị công nghệ cao đang diễn biến theo chiều hướng gia tăng. Loại tội phạm này thường xảy ra với nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt, từ chủ thể thực hiện tội phạm đến các đối tượng bị xâm hại đều rất đa dạng.

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 226b của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, tại điều luật cụ thể này, các nhà làm luật chỉ có thể quy định các dấu hiệu đặc trưng cơ bản nhất của một cấu thành tội phạm mà trong thực tế tội phạm này xảy ra với nhiều thủ đoạn, phương pháp vô cùng đa dạng và phức tạp. Thực tế xét xử loại tội này cũng có nhiều sai sót, sai lầm trong việc định tội danh và quyết định hình phạt.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu đề tài: ***“Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật Hình sự Việt Nam”*** để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng chống tội phạm này là cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã và đang được các nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Một số công trình tiêu biểu là:

- Luận án tiến sĩ *“Phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử của lực lượng Cảnh sát nhân dân”*, Tác giả Lại Kiên Cường, Hà Nội – 2014.

- Luận văn thạc sĩ luật học “*Các tội phạm trong lĩnh vực tin học theo Luật Hình sự Việt Nam*”, Tác giả Trần Thị Hồng Lê, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội – 2009.

- Luận văn thạc sĩ luật học “*Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 226B)*”, Tác giả Hoàng Thị Kim Anh, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội - 2013.

- Luận văn tốt nghiệp cử nhân luật “*Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin*”, Tác giả Phan Văn Cần, Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ - 2012.

- Luận văn tốt nghiệp cử nhân luật “*Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định của BLHS Việt Nam*”, Tác giả Đặng Thị Quỳnh Trang, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội – 2016.

Trong số đó, có thể kể đến một số công trình, bài viết đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành như: “*Bàn về tội sử dụng công nghệ cao thực hiện hành*

vi chiếm đoạt tài sản”, Thạc sĩ Lê Tuyền Vy, Tạp chí Kiểm sát số 5/2015; Kỷ yếu hội thảo “*Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo*” - Học viện Cảnh sát nhân dân, tháng 11/2014;...

Nhìn chung, các công trình nêu trên đã đề cập tới một số khía cạnh của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về tội phạm này. Vì vậy, luận văn này nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện và có hệ thống về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc

thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên cơ sở nghiên cứu số liệu trên địa bàn toàn quốc.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ giới hạn nghiên cứu vấn đề liên quan đến tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên cơ sở nghiên cứu số liệu trên địa bàn toàn quốc. Thời gian nghiên cứu, khảo sát trong vòng 5 năm từ năm 2012 đến 2016.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích: Thông qua việc nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam. Từ đó đánh giá, kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong thời gian tới.

- Nhiệm vụ:

+ Phân tích một số vấn đề chung về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ Đánh giá thực trạng tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên cơ sở nghiên cứu số liệu trên địa bàn toàn quốc.

+ Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

- Cơ sở lý luận: Luận văn được hoàn thành dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp

luật, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam nói riêng.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phân tích và tổng hợp, lịch sử cụ thể. Đồng thời, luận văn còn sử dụng một số phương pháp của một số bộ môn khoa học khác như thống kê, so sánh, đối chiếu, đánh giá, khảo sát thực tiễn...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và nâng cao nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội phạm này trong thời gian tới. Đồng thời luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo ngành luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu làm 3 chương như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận và pháp luật về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật Hình sự Việt Nam.

Chương 2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong những năm gần đây.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng pháp luật tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Chương 1

Một Số Vấn Đề Lý Luận Và Pháp Luật Về Tội Sử Dụng Mạng Máy Tính, Mạng Viễn Thông, Mạng Internet Hoặc Thiết Bị Số Thực Hiện Hành Vi Chiếm Đoạt Tài Sản Trong Luật Hình Sự Việt Nam

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật hình sự phải bị xử lý hình sự [26, Điều 8].

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là một trong những tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hay còn gọi là tội phạm công nghệ cao.

Dựa vào khái niệm tội phạm được quy định trong Luật hình sự Việt Nam có thể đưa ra khái niệm về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như sau: *Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do*

người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi thực hiện với lỗi cố ý bằng việc sử dụng phương tiện phạm tội là mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số nhằm xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân được pháp luật hình sự bảo vệ.

Trên cơ sở khái niệm có thể thấy tội phạm này có một số đặc điểm như sau:

Thứ nhất là đặc điểm về phương tiện phạm tội: Người phạm tội sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại như mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet và thiết bị số để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Đặc điểm về phương tiện phạm tội này là điểm căn bản, tạo ra sự khác biệt giữa tội phạm này với tội phạm truyền thống.

Thứ hai là về mục đích phạm tội: Tất cả những hành vi của người phạm tội, việc sử dụng công cụ phạm tội đều nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi người phạm tội sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin nhằm nhiều mục đích khác nhau nhưng đối với tội phạm mà luận văn đề cập tới thì hành vi được thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản mới là hành vi thuộc tội này.

Thứ ba là đặc điểm về chủ thể thực hiện tội phạm: Người phạm tội thường là người am hiểu về công nghệ thông tin, dùng những kiến thức về công nghệ thông tin để phục vụ cho việc phạm tội của mình.

Thứ tư là về tài sản chiếm đoạt trong tội này có thể là tài sản thông thường (vật, tiền, giấy tờ có giá trị) và tài sản ảo (tài sản có giá trị như tài sản thông thường khi được đem ra thanh toán, giao dịch, mua bán, quy đổi sang giá trị thực tế).

Thứ năm là về tính chất của hành vi phạm tội: Các hành vi phạm tội trong lĩnh vực công nghệ thông tin thường rất tinh vi và xảo quyệt. Người phạm tội có thể thực hiện hành vi trong thời gian rất ngắn, ở bất cứ khi nào, ở bất cứ đâu [15, tr.45].

Ngoài những đặc điểm trên, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn

thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản còn một số đặc điểm khác nhau tính không biên giới của loại tội này, tính chất tội phạm ngày càng tăng về số lượng và hậu quả,...

1.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được quy định tại Chương XIX - Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Như vậy, có thể thấy việc sắp xếp tội trên trong Bộ luật hình sự Việt Nam phản ánh khách thể của tội phạm này nằm trong khách thể loại của nhóm tội là an toàn công cộng, trật tự công cộng. Khách thể trực tiếp của tội phạm là an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hoạt động bình thường của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, môi trường giao dịch điện tử, hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng,...

Trong thực tế, các cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng hệ thống mạng và các thiết bị số đều đã có chương trình làm việc cùng với hệ thống bảo mật riêng theo nhiều phương thức khác nhau. Việc tội phạm thực hiện các hoạt động nhằm tác động vào hệ thống bằng các công cụ, phương tiện hiện đại trên chính môi trường của hệ thống mạng đó để đạt được mục đích phạm tội (trong tội quy định tại Điều 226b Bộ luật hình sự năm 1999 là nhằm chiếm đoạt tài sản) cũng đồng nghĩa với việc xâm phạm và phá vỡ hoạt động cùng với sự an toàn của hệ thống công nghệ thông tin. Đó chính là trực tiếp xâm hại đến sự an toàn trong hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc thiết bị số. Điều đặc biệt ở hệ thống công nghệ thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông và thiết bị số là sự kết nối mang tính chất công

cộng, rộng hơn có thể là mang tính chất toàn cầu. Do đó, tôi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được quy định tại Chương XIX - Các tội xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng.

Khi xem xét khách thể của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam cũng cần phải đề cập đến đối tượng tác động của tội phạm này. Đối tượng tác động của tội phạm này là hoạt động bình thường của hệ thống công nghệ thông tin. Bởi tội phạm có thể xâm nhập vào hệ thống an toàn, bẻ khóa bảo mật và thực hiện hành vi phạm tội thì chứng tỏ rằng hệ thống đó không còn được an toàn nữa.

Không chỉ vậy, tôi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân của cả Việt Nam lẫn nước ngoài, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về lợi ích vật chất cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân đó, đồng thời làm ảnh hưởng đến an toàn công cộng, trật tự công cộng. Như vậy, đối tượng tác động của tội quy định tại Điều 226b Bộ luật Hình sự năm 1999 còn là tài sản, xâm phạm trực tiếp đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Theo quy định tại Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì “*Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản*”. Tài sản mà tôi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt là vật hoặc tiền, riêng các quyền tài sản không phải là đối tượng của các tội xâm phạm sở hữu. Vật có thể là bất kỳ loại đồ vật nào có giá trị mà kẻ phạm tội muốn chiếm đoạt. Tiền có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ (tiền mặt hoặc tiền nằm trong tài khoản ngân hàng, tổ chức tín dụng) hoặc các loại “tiền ảo” có thể quy đổi thành tiền thật như các loại tiền điện tử hay điểm, tiền vàng, ngân lượng (trong game online).

Ngoài ra, hiện nay có một loại tài sản được gọi là “tài sản ảo” được tạo dựng và mua bán trên mạng giữa những người tham gia một trò chơi trên mạng trực tuyến như tài khoản, vật phẩm trong game online.... Đặc biệt trên thực tế đã có nhiều tài sản thuộc loại này được định giá và tiến hành trao đổi, mua bán, giao dịch với giá trị lớn. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam chưa có quy định nào khẳng định những “tài sản ảo” là tài sản, dẫn đến chưa có cơ sở pháp lý cho việc xác lập quyền sở hữu và giải quyết những tranh chấp nảy sinh liên quan đến tài sản này. Tuy nhiên, bởi thực tế đã xảy ra các hành vi chiếm đoạt liên quan đến loại tài sản này nên theo tác giả luận văn, “tài sản ảo” cũng có thể được coi là đối tượng tác động của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bao gồm: hành vi khách quan của tội phạm, phương tiện phạm tội và hậu quả của tội phạm.

a) Hành vi khách quan của tội phạm

Hành vi khách quan của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là các hành vi do người phạm tội thực hiện thông qua việc sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số.

Việc sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số là dấu hiệu của tội phạm và là cơ sở để phân biệt tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với các tội xâm phạm sở hữu khác.

Các hành vi khách quan của tội phạm được quy định tại Điều 226b Bộ luật Hình sự 1999 bao gồm:

Thứ nhất, sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt hoặc làm giả thẻ ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Làm giả thẻ ngân hàng là việc cá nhân không có thẩm quyền sản xuất, phát hành thẻ ngân hàng nhưng sản xuất thẻ giống như thẻ ngân hàng (trong đó có chứa đựng thông tin, dữ liệu như thẻ ngân hàng phát hành) [11, tr.495].

Thứ hai, truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản.

Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa hoặc sử dụng mã truy cập của người khác mà không được sự cho phép của người đó để truy cập vào tài khoản không phải của mình [11, tr.495 - 496].

Thứ ba, lừa đảo trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Lừa đảo trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng là sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật về một sản phẩm, một vấn đề, lĩnh vực trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu trên mạng nhằm tạo niềm tin cho người chủ tài sản, người quản lý tài sản, làm cho họ tưởng thật và mua, bán hoặc đầu tư vào lĩnh vực đó [11, tr.496].

Thứ tư, hành vi khác nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hành vi khác bao gồm các hành vi: Gửi tin nhắn lừa trúng

thoảng nhong thực tế không có giải thoảng để chiếm đoạt phí dịch vụ tin nhắn; quảng cáo bán hàng trên mạng Internet, mạng viễn thông nhong không giao hàng hoặc giao không đúng số lượng, chủng loại, chất lượng thấp hơn hàng quảng cáo hoặc các hành vi toảng tự [11, tr.496].

Tại Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có sự sửa đổi, bổ sung các hành vi khách quan của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhoi sau:

- Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;
- Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lộu hành thẻ ngân hàng giả chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;
- Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;
- Lừa đảo trong thoảng mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;
- Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, Internet nhằm chiếm đoạt tài sản.

Nhoi vậy, Bộ luật hình sự năm 2015 đã có sự sửa đổi và bổ sung đối với các hành vi mà người phạm tội có thể thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể là hành vi đợc quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 226b Bộ luật hình sự năm 1999 đã đợc tách ra làm hai hành vi tại điểm a và điểm b, khoản 1, Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015. Cụ thể là đã quy định hành vi sử dụng thông tin thẻ ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản đợc lập với hành vi làm, tàng trữ,

mua bán, sử dụng, loqu hành thẻ ngân hàng giả để chiếm đoạt tài sản. Thông tin thẻ ngân hàng có thể là mã số xác định chủ thẻ (mã số PIN), số tài khoản ngân hàng, số thẻ ngân hàng,... Còn thẻ ngân hàng là phoqng tiện do tổ chức phát hành thẻ phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều kiện và điều khoản đợc các bên thoả thuận [46]. Nhoq vậy sự khác nhau giữa hai hành vi này là đối toqng mà ngoiời phạm tội sử dụng để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản.

Ngoài ra, Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã xoá bỏ hành vi thứ toq trong Điều 226b Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đó là hành vi khác nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thay vào đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thêm về hành vi thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, Internet nhằm chiếm đoạt tài sản. Ngày 15 tháng 07 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP quy định về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Tại Điều 5 của Nghị định quy định về các hành vi bị cấm, trong đó có hành vi giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã của tổ chức, cá nhân; thông tin riêng, thông tin cá nhân và tài nguyên Internet; tạo đường dẫn trái phép đối với tên miền hợp pháp của tổ chức, cá nhân;... Việc ngoiời phạm tội lợi dụng mạng viễn thông, mạng Internet để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã có sự nguy hiểm đáng kể. Nếu nhoq một hệ thống mạng viễn thông, mạng Inetrnet đợc thiết lập, cung cấp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ngoiời khác thì đó là một hành vi mang tính chất nghiêm trọng hơn rất nhiều so với hành vi sử dụng.

Ngoài ra, có thể thấy, yếu tố địa điểm, thời điểm phạm tội không còn có nhiều ý nghĩa đối với tội phạm này giống nhoq các tội phạm truyền thống. Ngoiời phạm tội có thể thực hiện hành vi phạm tội từ bất cứ đâu trên thế giới, vào bất kể thời gian nào.

Tội phạm này được coi là hoàn thành từ thời điểm đối tượng thực hiện xong một trong các hành vi nêu trên, hậu quả xảy ra không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

b) Phương tiện phạm tội

Phương tiện phạm tội là những gì được chủ thể của tội phạm sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, đối với tội phạm tại Điều 226b thì phương tiện phạm tội là mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số.

Mạng máy tính được hiểu là tập hợp nhiều máy tính kết nối với nhau, có thể chia sẻ dữ liệu cho nhau [1, Điều 3, khoản 2].

Mạng viễn thông là tập hợp thiết bị viễn thông được liên kết với nhau bằng đường truyền dẫn để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông [25, Điều 3, khoản 10].

Mạng Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy nhập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Hệ thống này truyền thông tin theo kiểu nối chuyển gói dữ liệu dựa trên một giao thức liên mạng đã được chuẩn hóa (giao thức IP). Hệ thống này bao gồm hàng ngàn mạng máy tính nhỏ hơn của các doanh nghiệp, của các viện nghiên cứu và các trường đại học, của người dùng cá nhân và các chính phủ trên toàn cầu [44].

Thiết bị số là các thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông, truyền dẫn, thu phát sóng vô tuyến điện và thiết bị tích hợp khác được sử dụng để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số [24, Điều 4]. Ngoài ra, đó còn là những phương tiện điện tử dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ tương tự như điện thoại di động, máy tính, máy Fax; máy rút tiền tự động, thiết bị kỹ thuật viễn thông, máy đọc thẻ ATM,...

Mặc dù mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số là phương tiện phạm tội nhưng không phải tất cả những hành vi sử dụng

các phơng tiện này đều thuộc tội phạm tại Điều 226b. Điểm phân biệt tội phạm tại Điều 226b với các tội phạm liên quan đến công nghệ thông tin khác chính là ở mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người phạm tội. Người phạm tội nhờ có các phơng tiện này mà việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trở nên dễ dàng hơn, đặc biệt là không phụ thuộc vào thời gian cũng như địa điểm phạm tội.

Đặc điểm về phơng tiện phạm tội cũng có sự thay đổi ở Bộ luật hình sự năm 2015. Nếu như Điều 226b Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì phơng tiện phạm tội là mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thì ở Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015, phơng tiện phạm tội là mạng máy tính, mạng viễn thông và phơng tiện điện tử. Bộ luật hình sự năm 2015 đã có sự thay thế phơng tiện điện tử với mạng Internet và thiết bị số ở Điều 226b. Phơng tiện điện tử là phơng tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự [23, Điều 4, Khoản 4]. Như vậy, phơng tiện điện tử đã bao gồm mạng Internet và các thiết bị số nên việc thay thế trong Bộ luật Hình sự năm 2015 là hợp lý.

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 226b Bộ luật hình sự năm 1999 là tội có cấu thành hình thức, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của mặt khách quan của tội phạm. Điều đó có nghĩa là mặc dù không gây ra hậu quả nhưng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì đã xâm phạm vào khách thể của tội này là an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

1.1.2.3. Mặt chủ quan của tội phạm

a) Lỗi của người phạm tội

Tội phạm tại Điều 226b được xác định là có lỗi cố ý trực tiếp. Khi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực

hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, người phạm tội nhận thức rõ được tính nguy hiểm của hành vi là xâm phạm đến lợi ích vật chất của người khác và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

Về mặt lý trí, người phạm tội nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và thấy trước hậu quả của hành vi đó. Người phạm tội là những người am hiểu về công nghệ thông tin nên họ thấy rất rõ tính chất nguy hiểm mà hành vi của mình sẽ gây ra.

Về mặt ý chí, người phạm tội mong muốn hậu quả phát sinh. Vì thế, họ mong muốn hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình được thực hiện. Trong tội quy định tại Điều 226b thì để chiếm đoạt được tài sản, người phạm tội phải xâm phạm đến an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và họ mong muốn điều đó xảy ra, bởi có như vậy thì mục đích phạm tội của họ mới đạt được.

Tuy nhiên, phụ thuộc vào từng cách thức cũng như hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số mà chủ thể có những đặc điểm về lý trí và ý chí khác nhau.

Thứ nhất là hành vi sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để tìm và lấy những thông tin riêng về số tài khoản, số thẻ,... nhằm chiếm đoạt tài sản. Đối với loại này, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình và thấy trước được hậu quả của hành vi do mình gây ra. Đó là việc người phạm tội sử dụng các thông tin khai thác được để chiếm đoạt tài sản.

Thứ hai, phương tiện để người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội là các thiết bị công nghệ thông tin, có khả năng kết nối với nhau bằng mạng nên họ có thể sử dụng tính chất này để xâm nhập vào hệ thống mạng của ngân hàng hay của cá nhân để phá hoại nhằm thay đổi thông tin, giúp đạt được mục đích cuối cùng. Tuy nhiên, qua việc xâm nhập đi đến hậu quả chiếm đoạt tài sản như vậy, người phạm tội có thể gây ra hậu quả khác như thay đổi kết cấu

mạng, làm lỗi hệ thống,... Đây là những hậu quả nghiêm trọng mà người phạm tội có thể không lường trước được và cũng không mong muốn chúng xảy ra trong thực tế. Như vậy trường hợp này chính là những hậu quả phát sinh ngoài ý chí của người phạm tội.

Mặc dù vậy, việc người phạm tội biết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và mong muốn hành vi của mình được thực hiện cùng với hậu quả của hành vi đó xảy ra đã thể hiện lỗi của người phạm tội ở đây là lỗi cố ý trực tiếp, không thể có lỗi vô ý đối với tội phạm này.

b) Mục đích và động cơ phạm tội

Hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu người vi phạm thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác hoặc thanh toán hàng hóa, thu lợi bất chính. Nếu không có mục đích này thì người thực hiện những hành vi được quy định trong mặt khách quan của tội này như sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng; làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả của cơ quan, tổ chức, cá nhân;... có thể bị truy cứu trách nhiệm hình

sự về tội danh khác trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự.

Động cơ phạm tội của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là vụ lợi.

1.1.2.4. Chủ thể của tội phạm

Căn cứ vào khoản 3 Điều 8 và Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đối với khoản 1 và khoản 2; người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh này đối với khoản 3 và khoản 4 Điều 226b.

Ngươi phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tội phạm - Bộ Thông tin và Truyền thông - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Thông tư liên tịch số: 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 Hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông*, Hà Nội.
2. Bộ thông tin và truyền thông (2010-2014), *Sách trắng CNTT và truyền thông Việt Nam*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2013), *Nghị định số: 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 quy định về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2014), *Nghị định số: 25/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao*, Hà Nội.
5. Đồng Cao Định (2014), *Tiền ảo và sự tác động của nó đến tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.208-213.
6. Nguyễn Minh Đức (2013), *Đặc điểm tội phạm học của tội phạm sử dụng công nghệ cao và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.124-134.
7. Đặng Trung Hà (2009), “Tội phạm công nghệ thông tin và sự khác biệt giữa tội phạm công nghệ thông tin với tội phạm thông thường”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (03), tr.14-20.

8. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tq pháp.

9. Nguyễn Thanh Hoá (2014), *Công tác phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra với công tác đào tạo*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.30-36.
10. Nguyễn Văn Hoàn (2010), “Cần sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin”, *Tạp chí Kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, (04), tr.19-24.
11. Trần Minh Hoàng (Chủ biên) (2014), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung) – Tập 1*, Nxb Hồng Đức.
12. Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
14. Trần Thị Hồng Lê (2009), *Các tội phạm trong lĩnh vực tin học theo Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Phạm Văn Lợi (2007), *Tội phạm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin*, Nxb Toạ pháp, Hà Nội.
16. Nguyễn Đức Mai (Chủ biên) (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) – Phần các tội phạm*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
17. Nguyễn Văn Nam (2014), *Tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam và những yêu cầu đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.54-61.
18. Nguyễn Xuân Ngọc (2014), *Quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an đối với công tác phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trong tình hình hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống

tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.23-29.

19. Nguyễn Nhọt Niên (2015), “Bảo đảm an ninh kinh tế trước các loại tội phạm công nghệ cao - kinh nghiệm và một vài khuyến nghị”, *Tạp chí Kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, (7), tr.52-56.
20. Cao Thị Oanh (Chủ biên) (2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.249-251.
21. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
22. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội (2005), *Luật Giao dịch điện tử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội (2006), *Luật Công nghệ thông tin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2009), *Luật Viễn thông*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Lê Hồng Sơn (2014), *Kết quả và kinh nghiệm phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao của PC50 – Công an thành phố Hà Nội và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.94-103.
28. Trần Văn Thắng (2014), *Công tác phục hồi dữ liệu, chứng cứ điện tử và yêu cầu đào tạo, nâng cao trình độ của cán bộ, chiến sĩ cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.85 - 89.
29. Bùi Văn Thịnh (2014), *Nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội có sử dụng công nghệ cao*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.118-123.

30. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập I*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
31. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập II*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Canada*, quyển 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức*, Nxb Công an nhân dân.
34. Nguyễn Duy Tùng (2014), *Thực trạng an ninh an toàn mạng tại Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo”, tr.244-246.
35. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Thống kê thụ lý và xét xử các vụ án về tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2016)*.
36. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Thống kê áp dụng hình phạt các vụ án về tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2016)*.
37. Võ Khánh Vinh và đ.t.g (2014), *Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội.
38. Lê Toàng Vy (2015), “Bàn về tội sử dụng công nghệ cao thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, *Tạp chí Kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, (5), tr.49-51.
39. Nguyễn Xuân Yêm và đ.t.g (2014), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trong tình hình mới hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

II. Tài liệu Website

40. *Báo cáo chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2015*, tại địa chỉ:
<http://www.slideshare.net/nguyenvandungictu/bo-co-thng-mi-in-t-vit-na-m-2015>.
41. *Cảnh báo thủ đoạn phạm tội*, tại địa chỉ:
<http://canhsat.gov.vn/vi-vn/canh-bao-thu-doan-pham-toi/ID/3195/Tinh-t-rang-gia-danh-ngan-hang-tren-mang-xa-hoi-e-lua-ao-chiem-oat-tai-san>.
42. *Giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao trong bối cảnh toàn cầu hoá*, tại địa chỉ:
<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=32>.
43. *Khái niệm và các đặc điểm của tội phạm công nghệ thông tin. Sự khác biệt giữa tội phạm công nghệ thông tin và tội phạm thông thường*, tại địa chỉ: <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=968>.
44. *Mạng Internet*, tại địa chỉ: <https://vi.wikipedia.org/wiki/Internet>.
45. *Một số thủ đoạn hoạt động của tội phạm lợi dụng công nghệ cao*, tại địa chỉ:
<http://canhsat.gov.vn/vi-vn/canh-bao-thu-doan-pham-toi/ID/116/Mot-so-thu-doan-hoat-ong-cua-toi-pham-loi-dung-cong-nghe-cao>.
46. *Một số thông tin về thẻ ngân hàng*, tại địa chỉ:
http://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/pbkt/ndpbktcd/chdttnh/mstvttnh?_afrLoop=2737082568471328#%40%3F_afrLoop%3D2737082568471328%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D7jbppgp1_72.
47. *Những thủ đoạn mới của tội phạm công nghệ cao*, tại địa chỉ:
<http://anninhthudo.vn/phap-luat/nhung-thu-doan-moi-cua-toi-pham-cong-nghe-cao/614605.antd>.

48. *Nhận diện tội phạm sử dụng công nghệ cao trong quản lý nhà nước và một số giải pháp*, tại địa chỉ: <http://canhsatnhandan.vn/Home/Nghien->

cuu-Trao-doi/1520/Nhan-dien-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-trong-quan-ly-nha-nuoc-va-mot-so-giai-phap.

49. *Phòng chống tội phạm công nghệ cao như thế nào?*, tại địa chỉ:
<http://www.hvcsnd.edu.vn/vn/Acedemy/Khoa-hoc-Cong-nghe/64/398/Phong-chong-toi-pham-cong-nghe-cao-nhu-the-nao.aspx>
50. *Quan điểm và giải pháp chiến lược phòng, chống tội phạm thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, tại địa chỉ:
<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2014/29352/Quan-diem-va-giai-phap-chien-luoc-phong-chong-toi-pham-thoi.aspx>
.
51. *Tám thủ đoạn phổ biến của tội phạm công nghệ cao*, tại địa chỉ:
<http://quantrimang.com/8-thu-doan-pho-bien-cua-toi-pham-cong-nghe-cao-77378>.
52. *Tăng cường phòng chống tội phạm công nghệ cao*, tại địa chỉ:
<http://thoibaonganhang.vn/tang-cuong-phong-chong-toi-pham-cong-nghe-cao-50446.html>.
53. *Thông báo về phương thức, thủ đoạn và biện pháp phòng ngừa với tội phạm sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, tại địa chỉ:
<http://canhsat.gov.vn/vi-vn/canh-bao-thu-doan-pham-toi/ID/3422/Thong-bao-ve-phuong-thuc-thu-oan-va-bien-phap-phong-ngua-voi-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-e-lua-ao-chiem-oat-tai-san>.
54. *Tính chất của tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao tại Việt Nam, thủ đoạn phạm tội và dự báo*, tại địa chỉ:
http://nguoibaovequyenloi.com/User/ThongTin_ChiTiet.aspx?MaTT=289201551832859903&MaMT=23.
55. *Tội phạm công nghệ cao lắm thủ đoạn nhiều người sập bẫy”* tại địa chỉ:
<http://www.phapluatso.com/toi-pham-cong-nghe-cao-lam-thu-doan-nhi-eu-nguoi-sap-bay.html>.
56. *Tội phạm sử dụng công nghệ cao ngày càng phổ biến”* tại địa chỉ:

<http://baoquangninh.com.vn/phap-luat/201607/toi-pham-su-dung-cong-nghe-cau-ngay-cang-pho-bien-2312261/>.

57. *Tội trộm cắp tài sản – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” tại địa chỉ:
<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1739>.
58. *Viện Kiểm sát nhân dân trước những khó khăn, thách thức của các tội phạm về công nghệ thông tin*” tại địa chỉ:
<http://tks.edu.vn/WebThongTinKhoaHoc/Detail/117?idMenu=79>.
59. *Criminal Code of Canada*” tại địa chỉ
<http://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/C-46/section-342-20030101.html> và địa chỉ
<http://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/C-46/page-86.html#docCont>.

